TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-5-2018.
"V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước T;

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 07/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp MT, xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp MT, xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H, anh T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MX vào năm 2002. Từ năm 2004, đời sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Anh T không quan T đến vợ, con, khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh T đánh đập chị H. Anh T, chị H đã ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Sau khi ly thân, chị H nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay, mỗi người đều có kinh tế và việc làm riêng, không còn quan T gì đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên:

+ Võ Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/6/1995.

+ Võ Hoàng Nhân, sinh ngày 10/3/2004.

+ Võ Hoàng Nghĩa, sinh ngày 10/3/2004.

Hiện nay, con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Nhân và Nghĩa, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Con chung tên Nguyên đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Võ Văn T đã được Tòa án được tống đạt các văn bản tố tụng và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng**: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Võ Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp MT, xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn T.

2. **Về nội dung vụ án**:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H, anh T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MX vào năm 2002, do đó hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Chị H cho rằng đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2004; Mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Khi phát sinh mâu thuẫn anh T không tìm cách giải quyết mà còn đánh đập chị H. Chị H, anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Hiện nay, mỗi người đều có kinh tế và việc làm riêng, không còn quan T gì đến cuộc sống của nhau.

Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung chị H yêu cầu xin ly hôn với anh, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ

vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/6/1995, Võ Hoàng Nhân, sinh ngày 10/3/2004, Võ Hoàng Nghĩa, sinh ngày 10/3/2004. Hiện nay, con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Nhân và Nghĩa, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi chung theo quy định pháp luật.

Đối với con chung tên Nguyên đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 11/4/2018 thì cháu Võ Hoàng Nhân và Võ Hoàng Nghĩa có nguyện vọng được sống với chị H. Hiện nay, chị H là người trực tiếp nuôi 02 con chung và 02 con chung đang đi học. Do đó, giao con chung tên Võ Hoàng Nhân, sinh ngày 10/3/2004, Võ Hoàng Nghĩa, sinh ngày 10/3/2004 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị H là người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là có căn cứ; Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 05/2018 cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Võ Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/6/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 04179 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Võ Hoàng Nhân, sinh ngày 10/3/2004, Võ Hoàng Nghĩa, sinh ngày 10/3/2004. Anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 05/2018 cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Võ Hoàng Nguyên, sinh ngày 28/6/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 04179 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hữu Hà